TỈNH ỦY BẮC KẠN	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
*	
Số 10-NQ/TU	*Bắc Kạn, ngày 22 tháng 4 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ BA (KHOÁ XII)

về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khoá XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016 - 2020; các cấp ủy, chính quyền luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nên nông nghiệp của tỉnh bước đầu đã phát huy được tiềm năng của địa phương, phát triển theo đúng định hướng đề ra và đạt được những kết quả quan trọng. Trong đó, tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng nông nghiệp thế mạnh của địa phương như lúa chất lượng cao, dong riềng, thuốc lá, chè... cùng với Chương trình OCOP đã tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa có thương hiệu, tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Một số diện tích đã áp dụng tiêu chuẩn sản xuất VietGap, hữu cơ, đảm bảo an toàn thực phẩm, tạo ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn và yêu cầu của thị trường. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết, cơ bản các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với mục tiêu đề ra, hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa theo chuỗi liên kết, chất lượng mẫu mã sản phẩm và giá trị sản xuất hàng hóa được nâng lên rõ rệt, thị trường tiêu thụ được mở rộng. Bước đầu làm thay đổi nhận thức của người dân trong sản xuất nông, lâm nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế như giá trị gia tăng trong sản xuất thấp; quy mô sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, thiếu ổn định. Trình độ sản xuất không đồng đều, chất lượng, mẫu mã sản phẩm chưa phong phú, khả năng cạnh tranh chưa cao. Tốc độ tăng trưởng bình quân chỉ đạt 2,68%/năm, bằng 60% mục tiêu Nghị quyết đề ra. Việc ứng dụng, nhân rộng kết quả khoa học công nghệ vào sản xuất còn chậm, sản xuất có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với thị trường và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm hàng hóa còn hạn chế; giá trị sản xuất nông nghiệp trên một đơn vị diện tích canh tác còn thấp. Công nghiệp chế biến nông sản, nhất là công nghệ thu hoạch, bảo quản, chế biến phát triển chậm. Thu nhập của người lao động khu vực nông, lâm nghiệp thấp và chịu nhiều rủi ro so với lao động ở các khu vực kinh tế khác...

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26 tháng 4 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khoá XI); thực hiện nhiệm

vụ trọng tâm tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XII) quyết nghị một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung phát triển ngành nông nghiệp làm trọng tâm để thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh; khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế tài nguyên đất đai, khí hậu, nguồn nước sạch, đa dạng sinh học. Phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, đáp ứng nhu cầu thị trường và phù hợp với các tiêu chuẩn hiện hành; mở rộng liên kết sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao và đổi mới quan hệ sản xuất, kinh doanh để nâng cao chuỗi giá trị, tăng thu nhập, tạo tích lũy, thúc đẩy phát triển nông thôn mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển nông, lâm nghiệp gắn với hoạt động du lịch; phát triển các sản phẩm đặc sản bản địa, sản phẩm chủ lực, OCOP, sản phẩm hữu cơ. Thực hiện hoàn thành chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế ngành nông, lâm nghiệp, thuỷ sản bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trung bình 3,5%/năm.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển sản phẩm ngành hàng

- Trục sản phẩm quốc gia tập trung phát triển 2 nhóm sản phẩm là gỗ, chế biến gỗ và vùng nguyên liệu dược liệu, cụ thể: Đến năm 2025, duy trì, phát triển được 100.000 ha rừng trồng (trong đó, có 20.000 ha rừng được cấp chứng chỉ FSC), khai thác bình quân từ 300.000-350.000 m^3 gỗ/năm, 90% sản lượng khai thác được chế biến tại địa phương. Bảo tồn, phát triển và khai thác có hiệu quả nguồn dược liệu từ tự nhiên; trồng mới 550 ha dược liệu có liên kết vùng nguyên liệu và sơ chế, chế biến.

- Trục sản phẩm địa phương tập trung phát triển 4 nhóm sản phẩm (Miến dong; quả tươi và sản phẩm chế biến từ cam quýt, hồng, mơ và chuối; chè; chăn nuôi đại gia súc và lợn), cụ thể: Phấn đấu đến năm 2025, diện tích cây dong riềng là 800 - 1000 ha, sản phẩm miến thành phẩm đạt 4.800 tấn; diện tích cây ăn quả đạt 7.000 ha; diện tích chè các loại là 2.500 ha, đạt 12.000 tấn chè búp tươi; có 25 trang trại chăn nuôi trâu, bò quy mô vừa và nhỏ; số trâu, bò xuất chuồng bình quân đạt 22.000 con/năm; tổng đàn lợn đạt 320.000 con/năm, số con xuất chuồng bình quân 190.000 con/năm.

- Trục sản phẩm đặc sản, đặc hữu: Tập trung các nhóm sản phẩm đặc sản, đặc hữu có giá trị cao như: Rau củ quả; nấm; gạo và các sản phẩm chế biến từ gạo...

2.2. Xây dựng và củng cố các chuỗi liên kết chặt chẽ, bền vững (trong đó, tập trung vào các chuỗi liên kết lớn theo các ngành hàng đã xác định; phát triển vùng sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa gắn với các hoạt động du lịch).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực quản lý, điều hành trong thực hiện nhiệm vụ phát triển nông, lâm nghiệp. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể phát huy vai trò trong công tác tuyên truyền, vận động, triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu Nghị quyết, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên; đặc biệt là phát huy vai trò của người đứng đầu.

- Thành lập Ban chỉ đạo các cấp, xây dựng các đề án, kế hoạch, chương trình hành động để chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

2. Về công tác tuyên truyền

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra sản phẩm sạch và an toàn đáp ứng nhu cầu thị trường; tăng cường liên kết sản xuất và nâng cao chuỗi giá trị để tăng thu nhập cho dân cư khu vực nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Kịp thời tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị quyết thông qua các phương tiện truyền thông, hội nghị, họp giao ban... đến các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ nông dân trên địa bàn để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân thay đổi phương thức sản xuất từ quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình sang hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã, liên kết sản xuất hình thành vùng sản xuất hàng hóa.

3. Về quy hoạch và tổ chức sản xuất

- Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung phục vụ chế biến gỗ, tre, nứa bền vững, tạo đột phá trong công tác phát triển rừng sản xuất. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng năng suất, chất lượng, sản lượng vùng nguyên liệu tập trung phù hợp với từng giai đoạn để nâng cao giá trị gia tăng bền vững, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân tham gia sản xuất kinh doanh rừng; đồng thời, đáp ứng được nhu cầu về nguyên liệu phục vụ cho công tác chế biến tại địa phương, hướng tới hoàn thành mục tiêu đưa ngành chế biến gỗ của tỉnh tham gia vào trục sản phẩm quốc gia.

- Tập trung phát triển các vùng nguyên liệu cây ăn quả, chè và cây dong riềng có từ 50% diện tích trở lên được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn hữu cơ, VietGap; phấn đấu 50% diện tích cây ăn quả có mã vùng (truy xuất được nguồn gốc).

- Đẩy mạnh chăn nuôi trâu, bò, lợn theo quy mô trang trại, gia trại đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng và gắn với tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi liên doanh; mở rộng các trang trại chăn nuôi, cung cấp con giống và nuôi thương phẩm theo hướng bao tiêu sản phẩm.

- Thành lập, củng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, mô hình liên kết chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp an toàn; khuyến khích, ưu tiên đầu tư sản xuất chế biến ứng dụng công nghệ cao; sản xuất hữu cơ…

- Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở, nhà máy chế biến gỗ cho phù hợp với vùng nguyên liệu, đáp ứng yêu cầu mục tiêu chế biến 90% gỗ nguyên liệu trong tỉnh.

- Phát triển vùng nguyên liệu dược liệu theo 4 tiểu vùng sinh thái trên địa bàn tỉnh, gồm: Tiểu vùng Trung tâm (huyện Chợ Mới, Bạch Thông và thành phố Bắc Kạn); tiểu vùng phía Đông (Huyện Na Rì); tiểu vùng phía Tây (huyện Chợ Đồn); tiểu vùng phía Bắc và Tây Bắc (gồm các huyện: Ba Bể, Pác Nặm và Ngân Sơn).

- Thúc đẩy nhanh việc hình thành các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp có sản phẩm nông sản đạt chất lượng cao và ổn định để gắn với các hoạt động du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông thôn.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả đề án "Mỗi xã, phường một sản phẩm" giai đoạn 2021-2025.

4. Về đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh việc hợp tác trong nước và quốc tế giữa các đơn vị, địa phương trong tỉnh với các Trung tâm, Viện nghiên cứu, Trường đại học trong nghiên cứu, chuyển giao, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp; trong đó, tập trung khai thác lợi thế của địa phương về phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch và một phần nông nghiệp công nghệ cao.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ khoa học - công nghệ thuộc lĩnh vực nông nghiệp.

- Thực hiện tốt đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, từng bước xã hội hoá công tác đào tạo nghề; hỗ trợ kinh phí từ ngân sách để khuyến khích các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo nghề gắn với sản xuất nông nghiệp có liên kết.

5. Về xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại để thúc đẩy việc tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như: Tham gia các hội chợ, tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông nghiệp do Trung ương và các địa phương trong và ngoài nước tổ chức; tổ chức hội thi, lễ hội về các loại nông sản, tôn vinh tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong sản xuất các loại nông sản có năng suất, giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác phối hợp với các cơ quan truyền thông để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông lâm sản của tỉnh Bắc Kạn; xây dựng và công bố sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh, tổ chức các chương trình tuyên truyền, xúc tiến có tính liên kết vùng, khu vực để thông tin rộng rãi sản phẩm nông lâm sản của địa phương tới thị trường trong nước và ngoài nước; tích hợp truy xuất nguồn gốc nông, lâm sản của địa phương.

6. Về cơ chế chính sách, thu hút đầu tư

- Thu hút, huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn để phát triển nông, lâm nghiệp, triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của Trung ương.

- Rà soát các cơ chế, chính sách quản lý, ưu đãi, hỗ trợ phát triển nông nghiệp đã ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa tập trung bảo đảm đồng bộ, thiết thực, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt nghị quyết và xây dựng chương trình (kế hoạch) thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đơn vị và tích cực vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu nghị quyết đã nêu.

2. Các Ban xây dựng Đảng: Theo chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách để tổ chức thực hiện hiệu quả các nội dung nghị quyết đề ra.

4. Giao Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan liên quan đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết này; định kỳ hằng năm tổ chức đánh giá sơ kết, rút kinh nghiệm và báo cáo Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kết quả thực hiện.

Nghị quyết này được phổ biến rộng rãi.

T/M TỈNH UỶ
BÍ THƯ

TỈNH ỦY BẮC KẠN

Hoàng Duy Chinh

Nơi nhận:
Gửi bản giấy:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng
- Văn phòng Trung ương Đảng (thay báo cáo),

Gửi bản giấy và điện tử:
- Các đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các Ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy,
- Các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC KẠN
THÀNH ỦY BẮC KẠN
*
Số 38-BS/TU

Nơi nhận:
Gửi bản điện tử:
- Các ban xây dựng Đảng và VPTU,
- HĐND - UBND thành phố,
- MTTQ và các đoàn thể thành phố,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các đồng chí Thành ủy viên,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

Sao lục số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021

Sao lục

TP. Bắc Kạn, ngày 29 tháng 4 năm 2021

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
THÀNH ỦY BẮC KẠN
ĐẢNG BỘ T. BẮC KẠN

Nông Thị Phương Thảo